

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2017/DS-ST**
Ngày 30 - 8 - 2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Tám;

+ Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2017/TLST-DS ngày 04/5/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-DS ngày 28/7/2017, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1962; cư trú tại: ấp H, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; “Có mặt”.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1969; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Thanh B trình bày: Vào năm 2012, bà P đến đại lý phân bón do ông làm chủ hỏi mua các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để chăm sóc cho cây trồng của bà. Cách thức mua bán: Ông B lập một cuốn sổ mua hàng, ghi việc giao hàng, tính tiền khi bán hàng, ghi địa chỉ, tên người mua hàng và ký tên. Thỏa thuận khi cuối vụ (thường là cuối năm) bán được nông sản thì bà P thanh toán. Nếu sau năm đó, không thanh toán thì phải trả tiền lãi trên số tiền đã mua với lãi suất là 2%/tháng. Từ ngày

20/6/2013 đến ngày 04/3/2014, bà P đã lấy hàng gồm phân bón, thuốc trừ sâu... với tổng số tiền 32.687.000 đồng. Cuối vụ, không đến thanh toán tiền nên ông B đến nhà đòi nhưng bà P không trả và xin hẹn nhiều lần từ năm 2015 sang năm 2016. Việc đòi nợ của ông B, chỉ một mình ông và bà P biết. Nay ông B yêu cầu bà P hoàn trả 32.687.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Chính quyền địa phương nơi bà Nguyễn Thị Mỹ P cư trú xác định: Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1969, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà P hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ, không thông báo với địa phương và cũng không cung cấp địa chỉ cư trú mới.

Tại phiên tòa: Ông Trần Thanh B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Nguyễn Thị Mỹ P vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản”; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc bà P hoàn trả cho ông B 32.687.000 đồng; bà P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị Mỹ P đã được triệu tập theo địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, là địa chỉ cư trú của bà P vào năm 2013-2014 khi tiến hành giao dịch với ông B.

Tại Điều 40 Bộ luật Dân sự quy định về nơi cư trú của cá nhân:

“1. Nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó thường xuyên sinh sống.

2...

3. Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới...”

Bà P thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho ông B là người có quyền trong giao dịch dân sự (mua bán phân bón, diêm tro) biết nên được xem là bà P cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào Điều 177, 179; khoản 3, Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] Ông B khởi kiện yêu cầu bà P hoàn trả 32.687.000 đồng. Chứng cứ ông B cung cấp là bản gốc “Sổ mua hàng” có chữ ký của bà P, trong đó ghi số tiền còn lại chưa thanh toán là 32.687.000 đồng tính đến ngày 04/3/2014. Khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Trong quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa, ông B không cung cấp chứng cứ để xác định còn trong thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự (Thời hạn là 03 năm kể từ ngày ông B biết quyền và lợi ích của ông bị xâm phạm). Do đó, xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng về việc ông B yêu cầu bà P hoàn trả 32.687.000 đồng nhưng đến nay, bà P không có ý kiến phản đối. Do đó căn cứ vào chứng cứ do ông B cung cấp là bản gốc “Sổ mua hàng” có chữ ký của bà P, trong đó ghi số tiền còn lại chưa thanh toán là 32.687.000 đồng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh B, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ P hoàn trả cho ông Trần Thanh B 32.687.000 đồng. Ghi nhận ông B không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định: $5\% \times 32.687.000 = 1.634.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 40, 166 và 429 Bộ luật Dân sự; các Điều 177 và 179; khoản 3, Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Khóa XIV).

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Thanh B 32.687.000 (ba mươi hai triệu, sáu trăm, tám mươi bảy nghìn) đồng. Ghi nhận ông Trần Thanh B không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày ông Trần Thanh B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Mỹ P không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Mỹ P còn phải trả cho ông Trần Thanh B số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ P chịu 1.634.000 (một triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 817.000 (tám trăm mười bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004088 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Ông Trần Thanh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Mỹ P vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu (2).O.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh (Đã ký)